BẢN SAO

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đã được kiểm toán

Nội dung Trang

Báo cáo của Ban giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-16

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Báo cáo của Ban giám đốc

BẢN SAO

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Việt Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công ty TNHH MTV Việt Trung được thành lập theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển đổi Công ty Cao Su Việt Trung thành Công ty TNHH MTV Việt Trung.

Công ty TNHH MTV Việt Trung được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 ngày 02 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 10 năm 2013.

* Vốn điều lệ của Công ty là: 106.823.000.000 đồng (Một trăm lẻ sáu tỷ, tám trăm hai ba triệu đồng chẵn)

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

• Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thu mủ cao su; Sản xuất cây giống cao su, cây lâm nghiệp, cây hồ tiêu;

• Bán buôn tổng hợp: Trưng bày sản phẩm, bán các mặt hàng của công ty sản xuất, hàng phục vụ đời sống công nhân; Kinh doanh các loại vật tư phục vụ ngành cao su, ngành chế biến gỗ;

• Khách sạn: Kinh doanh khách sạn, du lịch;

• Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng; Sản xuất gạch tuynel; Sản xuất phân bón phục vụ ngành cao su;

Trụ sở chính tại: Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm năm 2014 là 69.643.979 VNĐ (Năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 1.565.205.127 VNĐ)

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Chủ tịch và Ban giám đốc công ty

Ông Nguyễn Văn Minh	Chủ tịch kiêm giám đốc công ty
Ông Phan Văn Thành	Phó giám đốc công ty
Ông Phạm Xuân Thành	Phó giám đốc công ty

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Áp dụng và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà Nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Bình, ngày 20 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám Đốc

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

Nguyễn Văn Minh

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC 1774 QUYỂN SỐ: 01
TTNT VIỆT TRUNG, Ngày 08 -05- 2017
CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Lợi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
CHI NHÁNH THANH HÓA
Địa chỉ: Lô S2, Khu 2, Khu Đô Thị Bình Minh, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa
Điện thoại: 0373.758.959 - Email: ifcthanhhoa@ifcvietnam.com.vn - Website: ifcvietnam.com.vn

Số: 11 /2015/BCKT-IFCTH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban giám đốc Công ty TNHH MTV Việt Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Việt Trung (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2014 được trình bày từ trang 5 đến trang 16 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dự trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Việt Trung tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 1718 QUYỂN SỐ: 01
THANH HÓA, Ngày 08 -05- 2017
CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Thanh Hoá ngày 21 tháng 03 năm 2015

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI THANH HÓA
Giám đốc

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TẠI THANH HÓA

Kiểm toán viên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN SAO

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A	**Tài sản ngắn hạn**	**100**		**25.007.596.889**	**26.328.859.006**
I	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**547.735.570**	**3.781.241.639**
1	Tiền	111	*V.01*	547.735.570	3.781.241.639
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	*V.02*	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**11.870.457.536**	**5.657.787.455**
1	Phải thu của khách hàng	131		7.948.503.991	1.939.439.116
2	Trả trước cho người bán	132		1.057.851.579	921.888.279
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135	*V.03*	2.864.101.966	2.796.460.060
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV	**Hàng tồn kho**	**140**		**11.845.459.166**	**12.443.668.861**
1	Hàng tồn kho	141	*V.04*	11.845.459.166	12.443.668.861
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**743.944.617**	**4.446.161.051**
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	*V.05*	532.953.078	4.098.931.930
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		210.991.539	347.229.121
B	**Tài sản dài hạn**	**200**		**185.421.581.025**	**173.883.264.823**
I	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II	**Tài sản cố định**	**220**		**172.154.550.670**	**170.669.462.972**
1	Tài sản cố định hữu hình	221	*V.08*	94.261.169.123	116.483.112.505
-	*Nguyên giá*	*222*		*218.485.374.093*	*255.329.390.701*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(124.224.204.970)*	*(138.846.278.196)*
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	*V.11*	77.893.381.547	54.186.350.467
III	**Bất động sản đầu tư**	**240**	*V.12*	-	-
IV	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		-	-
V	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**13.267.030.355**	**3.213.801.851**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	*V.14*	13.267.030.355	3.213.801.851
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	*V.21*	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	Tổng cộng tài sản			**210.429.177.914**	**200.212.123.829**

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

	Nguồn vốn		Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A	**Nợ phải trả**	**300**		**64.572.285.303**	**38.020.296.247**
I	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**64.572.285.303**	**38.020.296.247**
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	*V.15*	45.472.776.989	5.999.202.600
2	Phải trả cho người bán	312		3.105.355.290	4.502.280.529
3	Người mua trả tiền trước	313		3.680.521.754	4.759,106,184
4	Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	314	*V.16*	197.008.670	238.819.429
5	Phải trả người lao động	315		11.077.495.729	16.514.454.712
6	Chi phí phải trả	316	*V.17*	-	-
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	*V.18*	3.541.551.416	4.137.426.199
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(2.502.424.545)	1.869.006.594
II	**Nợ dài hạn**	**330**		-	-
B	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**400**		**145.856.892.611**	**162.191.827.582**
I	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	*V.22*	**145.856.892.611**	**162.191.827.582**
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		146.499.631.661	146.347.429.843
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		690.416.111	10.416.111
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	17.236.780.768
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.333.155.161)	(1.402.799.140)
II	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
1	Nguồn kinh phí	432	*V.23*	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn			**210.429.177.914**	**200.212.123.829**

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC 1719 QUYỂN SỐ: 01
TT NT VIỆT TRUNG, Ngày: 08-05-2017
CHỦ TỊCH HUỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Hữu Bằng	Hoàng Ngọc Lợi	
Nguyễn Hải Thanh		Nguyễn Văn Minh

S.Đ.K.K.D: 3100114493 - C.T.T.N.H
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG
H. BỐ TRẠCH T. QUẢNG BÌNH

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	59.933.570.328	118.530.113.753
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.933.570.328	118.530.113.753
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	55.962.927.144	106.703.697.043
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.970.643.184	11.826.416.710
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	99.622.182	364.661.180
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	850.439.774	223.423.868
-	*Trong đó: Chi phí lãi vay*	*23*		*850.439.774*	223.423.868
8	Chi phí bán hàng	24		856.433.273	745.879.426
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.324.004.031	14.173.462.834
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.960.611.712)	(2.951.688.238)
11	Thu nhập khác	31		4.782.075.828	7.989.028.054
12	Chi phí khác	32		732.176.963	2.950.399.647
13	Lợi nhuận khác	40		4.049.898.865	5.038.628.407
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		89.287.153	2.086.940.169
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	19.643.174	521.735.042
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		69.643.979	1.565.205.127
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC 1720 QUYỂN SỐ 01
TTNT VIỆT TRUNG, Ngày: 08 -05- 2017
CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Hữu Băng	Nguyễn Hải Thanh	Hoàng Ngọc Lợi
		Nguyễn Văn Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		29.549.903.525	110.608.560.958
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.217.049.444)	(14.264.663.161)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(44.489.483.231)	(76.625.790.713)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(23.586.300)	(223.423.868)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(600.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		38.853.117.422	48.530.312.648
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.920.566.481)	(64.503.622.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(27.247.664.509)**	**2.921.373.010**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.758.000)	(10.643.780.658)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(16.758.000)**	**(10.643.780.658)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu do vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		56.363.249.282	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(32.332.332.842)	(6.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**24.030.916.440**	**(6.000.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(3.233.506.069)**	**(13.722.407.648)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**3.781.241.639**	**17.503.649.287**
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	VII.34	**547.735.570**	**3.781.241.639**

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Hữu Bằng	Nguyễn Hải Thanh	Nguyễn Văn Minh

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 1721/QUYENSO:01
TT. VIỆT TRUNG, Ngày: 08-05-2017
CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG
M.S.D.N: 3100114493 - C.T.T.N.H.H
H. BỐ TRẠCH T. QUẢNG BÌNH

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN SAO

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Việt Trung được thành lập theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30 tháng 06 năm 2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về chuyển đổi Công ty Cao Su Việt Trung thành Công ty TNHH MTV Việt Trung.

Công ty TNHH MTV Việt Trung được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 ngày 02 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính tại: Thị Trấn NT Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

2. Ngành nghề kinh doanh

• Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thu mủ cao su; Sản xuất cây giống cao su, cây lâm nghiệp, cây hồ tiêu;

• Bán buôn tổng hợp: Trưng bày sản phẩm, bán các mặt hàng của công ty sản xuất, hàng phục vụ đời sống công nhân; Kinh doanh các loại vật tư phục vụ ngành cao su, ngành chế biến gỗ;

• Khách sạn: Kinh doanh khách sạn, du lịch;

• Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng; Sản xuất gạch tuynel; Sản xuất phân bón phục vụ ngành cao su;

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính V/v: Thực hiện chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Nguyên tắc ghi nhận vào khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh trong từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữ giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chi cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí cho vay và chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các doanh nghiệp phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014	01/01/2014
Tiền mặt	77.458.377	29.615.821
Tiền gửi ngân hàng	470.277.193	3.751.625.818
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng	-	-
Cộng	**547.735.570**	**3.781.241.639**

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
- Phải thu khác	2.864.101.966	2.745.696.936
- Phải thu về cổ Phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải trả khác (dư nợ TK 3388)	-	50.763.124
Cộng	**2.864.101.966**	**2.796.460.060**

4. Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	3.040.535.519	2.916.939.802
- Công cụ, dụng cụ trong kho	507.799.850	684.753.181
- Chi phí sản xuất kinh Doanh dở dang	6.676.996.176	6.956.620.321
- Thành phẩm tồn kho	1.029.410.652	1.142.920.777
- Hàng hóa tồn kho	590.716.969	742.434.780
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Hàng hoá bất động sản	-	-
Cộng	**11.845.459.166**	**12.443.668.861**

5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/12/2014	01/01/2014
- Thuế GTGT đầu ra	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.472.807	3.767.115.981
- Thuế thu nhập cá nhân	133.660.190	193.957.016
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	145.800.131	137.858.933
- Các khoản khác phải thu nhà nước	6.019.950	-

- Chi phí trả trước dài hạn khác	13.267.030.355	3.213.801.851
Cộng	**13.267.030.355**	**3.213.801.851**

15. Vay và nợ ngắn hạn	**31/12/2014**	**01/01/2014**
- Vay ngắn hạn:	45.472.776.989	5.999.202.600
- Vay ngắn hạn LienVietPostBank Quảng Bình (*)	1.000.000.000	-
- Vay ngắn hạn BIDV Quảng Bình (**)	44.472.776.989	5.999.202.600
Cộng	**45.472.776.989**	**5.999.202.600**

(*) Vay ngắn hạn LienVietPostBank Quảng Bình số tiền 1.000.000.000 đồng theo Kế ước nhận nợ số 015.01/2014/KUNNHM.450

- Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền lương cho cán bộ công nhân viên công ty tháng 06 và tháng 07 năm 2014

(**) Vay ngắn hạn BIDV Quảng Bình số tiền 44.472.776.989 đồng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2014/525381/HĐTD ngày 30 tháng 10 năm 2014

- Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	**31/12/2014**	**01/01/2014**
- Thuế GTGT	197.008.670	238.819.429
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập Doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế tài Nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	**197.008.670**	**238.819.429**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	**31/12/2014**	**01/01/2014**
- Tài sản thừa chờ xử lý		
- Kinh phí Công đoàn	1.068.280.918	880.771.600
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Các khoản phải nộp khác	2.473.270.498	3.256.654.599
Cộng	**3.541.551.416**	**4.137.426.199**

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Tổng cộng

Tăng vốn trong năm trước	22.018.756.402		-	-		-	22.018.756.402
Lãi trong năm trước				-	1.565.205.127		1.565.205.127
Tăng khác			246.757.447	2.220.817.027		-	2.467.574.474
Giảm vốn trong năm trước	-		-	-	-		-
Lỗ trong năm trước					-		-
Giảm khác			7.884.430	21.727.495.492	5.435.578.741		27.170.958.663
31/12/2013	146.347.429.843	-	17.236.780.768	10.416.111	(1.402.799.140)	-	162.191.827.582
Tăng vốn trong năm nay	670.964.821	-	-	-	-	-	670.964.821
Lãi trong năm nay					69.643.979	-	69.643.979
Tăng khác	2.165.580.103			680.000.000			2.845.580.103
Giảm vốn trong năm nay	1.689.308.281			-	-		1.689.308.281
Lỗ trong năm nay					-		-
Giảm khác	995.034.825		17.236.780.768		-		18.231.815.593
31/12/2014	146.499.631.661	-	-	690.416.111	(1.333.155.161)	-	145.856.892.611

25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	49.892.160.984	112.598.496.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.041.409.344	5.931.617.269
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		
- Tổng doanh thu luỹ kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
Cộng	**59.933.570.328**	**118.530.113.753**

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	99.622.182	364.661.180
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi bán ngoại tệ		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi bán hàng trả chậm		
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng	**99.622.182**	**364.661.180**

27. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	47.201.777.299	100.095.878.950
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.761.149.845	6.607.818.093
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất		

- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	**55.962.927.144**	**106.703.697.043**

28. Chi phí tài chính	**Năm nay**	**Năm trước**
- Lãi tiền vay	850.439.774	223.423.868
- Chiết khấu Thanh toán tiền trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Lỗ do bán ngoại tệ		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		-
Cộng	**850.439.774**	**223.423.868**

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**Năm nay**	**Năm trước**
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.643.174	521.735.042
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Cộng	**19.643.174**	**521.735.042**

VI. Những thông tin khác

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Tài chính Kế toán và Kiểm toán VN. Số liệu này đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 25/4/2014 của Cục thuế tỉnh Quảng Bình và Kết luận số 11/KL-TTr ngày 23/9/2014 của Thanh Tra UBND tỉnh Quảng Bình.

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Phan Hữu Bằng	Nguyễn Hải Thanh	Nguyễn Văn Minh

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 1772 QUYỂN SỐ: 01
TT NT VIỆT TRUNG, Ngày: 08 -05- 2017
CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Ngọc Lợi